



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty và Tập đoàn trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đình Long	Chủ tịch
Ông Trần Tuấn Dương	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Chủ tịch
Ông Doãn Gia Cường	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Quang	Thành viên
Ông Hoàng Quang Việt	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên
Ông Chu Quang Vũ	Thành viên (từ ngày 11/4/2024)
Ông Đặng Ngọc Khánh	Thành viên (từ ngày 11/4/2024)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Việt Thắng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thu Hiền	Phó Tổng Giám đốc

Thông tin về Công ty

Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26 tháng 10 năm 2001. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 8 số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 9 tháng 1 năm 2007, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh mới nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0900189284 ngày 27 tháng 6 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Các công ty con của Công ty được trình bày tại Thuyết minh 1.4 trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh và cổ tức

Lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 6.189.852 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023: 1.857.540 triệu VND).

Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán của Công ty và Tập đoàn là Công ty TNHH KPMG.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị và các Cổ đông của Công ty rằng Tập đoàn đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

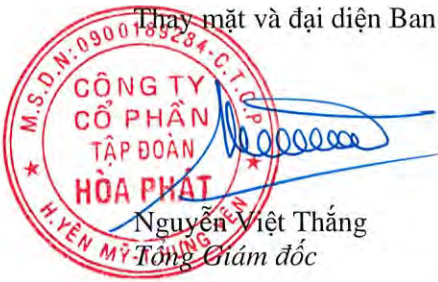
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đính kèm. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Nguyễn Việt Thắng
Tổng Giám đốc

Hung Yên, ngày 29 tháng 8 năm 2024



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 8 năm 2024, được trình bày từ trang 6 đến trang 65.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

T.T.
HAN
P.H.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 22-02-00118-24-2



Phạm Thị Thùy Linh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3065-2024-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phan Mỹ Linh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3064-2024-007-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2024



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		84.466.831.221.789	82.716.439.173.043
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9	13.032.037.853.283	12.252.001.160.884
Tiền	111		5.550.323.853.283	3.771.595.160.884
Các khoản tương đương tiền	112		7.481.714.000.000	8.480.406.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.314.673.148.945	22.177.303.502.481
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10	15.314.673.148.945	22.177.303.502.481
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.392.801.855.660	10.702.136.439.996
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11	6.754.215.453.415	5.999.539.831.497
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	12	2.112.090.222.977	2.583.940.446.585
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	15	237.461.616.439	203.600.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	13.1	1.334.615.765.632	1.961.601.875.298
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(46.648.096.622)	(46.628.415.158)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.066.893.819	82.701.774
Hàng tồn kho	140	14	40.163.540.620.593	34.504.487.406.261
Hàng tồn kho	141		40.454.441.094.217	34.628.367.844.950
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(290.900.473.624)	(123.880.438.689)
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.563.777.743.308	3.080.510.663.421
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	20.1	441.107.430.465	330.834.978.197
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.109.264.348.234	2.737.971.196.700
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	25	13.405.964.609	11.704.488.524

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		122.142.248.509.406	105.066.147.390.758
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.119.456.422.036	1.880.922.130.348
Trả trước cho người bán dài hạn	212	12	269.074.711.339	1.004.491.555.731
Phải thu về cho vay dài hạn	215	15	-	95.351.026.613
Phải thu dài hạn khác	216	13.2	850.381.710.697	781.079.548.004
Tài sản cố định	220		70.018.632.033.341	71.998.370.737.871
Tài sản cố định hữu hình	221	16	69.825.172.636.037	71.787.251.586.301
<i>Nguyên giá</i>	222		108.020.905.557.058	106.923.132.503.430
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(38.195.732.921.021)	(35.135.880.917.129)
Tài sản cố định vô hình	227	17	193.459.397.304	211.119.151.570
<i>Nguyên giá</i>	228		357.283.631.847	357.031.331.749
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(163.824.234.543)	(145.912.180.179)
Bất động sản đầu tư	230	18	576.450.457.500	593.920.277.320
<i>Nguyên giá</i>	231		859.793.015.615	859.667.015.615
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(283.342.558.115)	(265.746.738.295)
Tài sản dở dang dài hạn	240		45.416.999.849.460	26.098.929.377.501
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		63.449.816.020	46.356.652.469
Xây dựng cơ bản dở dang	242	19	45.353.550.033.440	26.052.572.725.032
Đầu tư tài chính dài hạn	250		136.500.000.000	40.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	10	136.500.000.000	40.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		4.874.209.747.069	4.454.004.867.718
Chi phí trả trước dài hạn	261	20.2	4.612.526.104.983	4.215.007.972.679
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	21	191.824.594.046	163.087.876.347
Lợi thế thương mại	269	22	69.859.048.040	75.909.018.692
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		206.609.079.731.195	187.782.586.563.801

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		97.932.514.837.164	84.946.167.324.422
Nợ ngắn hạn	310		73.551.241.248.845	71.513.492.904.733
Phải trả người bán ngắn hạn	311	23	15.940.014.623.208	12.387.496.434.147
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	24	482.276.831.033	741.733.890.580
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	25	895.384.348.204	945.404.457.633
Phải trả người lao động	314		265.370.728.604	403.391.467.732
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	26.1	1.035.971.717.685	477.102.216.071
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		26.532.249.143	9.979.596.501
Phải trả ngắn hạn khác	319	27.1	332.722.653.625	182.970.590.524
Vay ngắn hạn	320	28.1	53.315.313.650.059	54.981.883.180.636
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	29	5.751.868.939	8.054.106.025
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	30	1.251.902.578.345	1.375.476.964.884
Nợ dài hạn	330		24.381.273.588.319	13.432.674.419.689
Phải trả người bán dài hạn	331	23	3.797.002.494.551	2.324.285.289.468
Chi phí phải trả dài hạn	333	26.2	801.964.708.007	610.552.512.045
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		174.647.128	174.647.128
Phải trả dài hạn khác	337	27.2	14.392.365.866	13.361.520.783
Vay dài hạn	338	28.2	19.674.955.314.582	10.399.119.292.481
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		29.660.561.612	30.012.518.415
Dự phòng phải trả dài hạn	342	29	63.123.496.573	55.168.639.369

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		108.676.564.894.031	102.836.419.239.379
Vốn chủ sở hữu	410	31	108.676.564.894.031	102.836.419.239.379
Vốn cổ phần	411	32	63.962.502.000.000	58.147.857.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		63.962.502.000.000	58.147.857.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	3.211.560.416.270
Quỹ đầu tư phát triển	418		818.200.313.964	818.200.313.964
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		43.793.278.849.369	40.593.031.662.654
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		37.603.427.014.516	33.796.166.741.483
- LNST năm nay	421b		6.189.851.834.853	6.796.864.921.171
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		102.583.730.698	65.769.846.491
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		206.609.079.731.195	187.782.586.563.801

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập:


Trần Xuân Mai
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


Phạm Thị Kim Oanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Việt Thắng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 02a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	35	71.028.837.789.013	56.664.947.240.432
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	35	620.968.369.842	579.812.075.130
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	35	70.407.869.419.171	56.085.135.165.302
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	36	61.006.405.968.929	51.213.711.100.123
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		9.401.463.450.242	4.871.424.065.179
Doanh thu hoạt động tài chính	21	37	1.397.015.470.725	1.636.393.994.810
Chi phí tài chính	22	38	2.125.705.197.819	2.671.995.555.847
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.199.753.348.133</i>	<i>2.018.155.811.047</i>
Chi phí bán hàng	25	39	1.386.888.438.053	1.016.796.529.360
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	40	706.696.394.353	612.115.517.362
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		6.579.188.890.742	2.206.910.457.420
Thu nhập khác	31	41	713.551.983.251	337.038.356.678
Chi phí khác	32	42	298.299.847.355	310.019.070.565
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		415.252.135.896	27.019.286.113
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6.994.441.026.638	2.233.929.743.533
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	44	834.772.380.127	502.798.472.160
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	44	(29.088.674.506)	(99.923.176.491)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang sang trang sau) (60 = 50 - 51 - 52)	60		6.188.757.321.017	1.831.054.447.864

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (chuyển sang từ trang trước) (60 = 50 - 51 - 52)	60		6.188.757.321.017	1.831.054.447.864
Phân bổ:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		6.189.851.834.853	1.857.539.888.300
Cổ đông không kiểm soát	62		(1.094.513.836)	(26.485.440.436)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	45	919	Đã điều chỉnh lại 259

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập:



Trần Xuân Mai
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Thắng
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		6.994.441.026.638	2.233.929.743.533
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		3.451.457.238.681	3.310.540.740.587
Phân bổ lợi thế thương mại	02		6.049.970.652	6.049.970.652
Các khoản dự phòng	03		172.692.336.517	(960.907.350.890)
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		152.503.577.089	116.482.840.691
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.055.951.278.124)	(1.110.131.416.958)
Chi phí lãi vay	06		1.199.753.348.133	2.018.155.811.047
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		10.920.946.219.586	5.614.120.338.662
Biến động các khoản phải thu	09		(3.168.135.199.944)	(4.545.821.627.445)
Biến động hàng tồn kho	10		(1.039.047.575.147)	3.462.949.944.421
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(444.000.790.917)	1.705.397.591.240
Biến động chi phí trả trước	12		(403.611.590.740)	(62.490.740.317)
			5.866.151.062.838	6.174.155.506.561
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.235.048.376.365)	(2.031.501.798.202)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(872.710.726.033)	(416.492.334.827)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(509.758.611.539)	(297.803.456.356)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.248.633.348.901	3.428.357.917.176
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(18.836.381.863.300)	(5.617.958.292.150)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		1.142.472.552.423	12.978.787.566
Tiền chi mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(15.374.269.439.875)	(19.966.517.793.411)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		22.103.399.793.411	23.311.762.330.550
Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay	27		846.575.562.340	1.109.651.121.232
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.118.203.395.001)	(1.150.083.846.213)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Nhận góp vốn của cổ đông không kiểm soát	31		40.000.000.000	500.000.000
Tiền trả lại vốn góp cho cổ đông không kiểm soát	32		(102.420.000)	(1.750.000.000)
Tiền thu từ đi vay	33		86.063.583.337.330	59.997.321.960.013
Tiền trả nợ gốc vay	34		(78.455.897.618.789)	(57.343.207.893.129)
Tiền trả cổ tức	36		(1.020.374.096)	(377.118.881)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		7.646.562.924.445	2.652.486.948.003
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		776.992.878.345	4.930.761.018.966
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		12.252.001.160.884	8.324.588.920.227
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		3.043.814.054	(2.494.852.954)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	3.3	13.032.037.853.283	13.252.855.086.239

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập:

Trần Xuân Mai
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Phạm Thị Kim Oanh
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Thắng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”).

1.2 Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tập đoàn là:

- Cho thuê văn phòng;
- Đầu tư tài chính;
- Đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng, kỹ thuật khu công nghiệp và khu đô thị;
- Sản xuất thùng, bể chứa và các dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Sản xuất các cấu kiện bằng kim loại;
- Thăm dò, khai thác khoáng sản;
- Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị và phương tiện;
- Buôn bán ô tô, xe máy, thiết bị phụ tùng, ngành công nghiệp vận tải, khai thác mỏ và phương tiện vận tải;
- Sản xuất và kinh doanh các loại máy xây dựng và máy khai thác mỏ;
- Buôn bán đồ điện, điện tử, các thiết bị y tế và quang học;
- Sản xuất, kinh doanh, lắp ráp, lắp đặt, sửa chữa và bảo hành hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện dân dụng và điều hòa không khí;
- Sản xuất và kinh doanh nguyên vật liệu và các sản phẩm nhựa plastic;
- Các hoạt động quảng cáo;
- Xây dựng công nghiệp và dân dụng;
- Khai thác cát, đá và sỏi;
- Sản xuất, kinh doanh và lắp ráp các sản phẩm nội thất và thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Tư vấn đầu tư trong và ngoài nước (không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Sản xuất và mua bán kim loại màu các loại, phế liệu kim loại màu;
- Buôn bán và xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị luyện và cán thép;
- Sản xuất cán kéo thép và sản xuất tôn lợp;
- Khai thác quặng kim loại;

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Mua bán kim loại, quặng kim loại và sắt thép phế liệu;
- Luyện gang thép, đúc gang và sắt, thép;
- Sản xuất ống thép không mạ và có mạ, ống inox;
- Sản xuất và kinh doanh các loại tôn mạ kẽm, tôn mạ màu và tôn mạ lạnh;
- Dịch vụ thể dục, thể thao (đào tạo, tổ chức thi đấu và chuyên giao vận động viên);
- Xây dựng, cho thuê sân tập và sân thi đấu thể thao;
- Ủy thác xuất – nhập khẩu;
- Chăn nuôi lợn;
- Chăn nuôi bò;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Chăn nuôi khác;
- Hoạt động dịch vụ chăn nuôi;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Vận tải hàng hóa ven biển, đường thủy nội địa và viễn dương; và
- Xuất, nhập khẩu, mua bán, phân phối hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định của Pháp luật.

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

1.4 Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Tập đoàn có các công ty con sau:

STT	Công ty con	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Tập đoàn 30/6/2024	1/1/2024
1	Công ty CP Gang thép Hòa Phát (i)	Đầu tư, sản xuất, kinh doanh thép xây dựng và các hoạt động phụ trợ.	99,999%	99,999%
2	Công ty CP Sản phẩm thép Hòa Phát (ii)	Đầu tư, sản xuất, kinh doanh ống thép, tôn mạ màu và các hoạt động phụ trợ.	99,995%	99,988%
3	Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát (iii)	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; trồng trọt; các hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi, sau thu hoạch; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.	99,999%	99,999%
4	Công ty CP Phát triển Bất động sản Hòa Phát	Đầu tư, xây dựng, kinh doanh bất động sản và các hoạt động phụ trợ.	99,967%	99,967%
5	Công ty CP Điện máy Gia dụng Hòa Phát	Đầu tư, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm điện máy – gia dụng.	99,900%	99,900%
6	Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông	Thăm dò, khai thác, tuyển luyện, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản nói chung trong đó chủ yếu là quặng sắt.	99,958%	99,958%
7	Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương	Sản xuất thép, gang, khai thác quặng sắt, khai thác và thu gom than non; bán buôn kim loại và quặng kim loại; và sản xuất, mua bán than cốc.	99,997%	99,997%
8	Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất	Sản xuất sắt, thép, gang, khai thác quặng sắt; bán buôn kim loại và quặng kim loại; sản xuất mua bán than cốc và các ngành nghề liên quan khác.	99,999%	99,999%
9	Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	Sản xuất sắt, thép, gang; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	99,999%	99,999%
10	Công ty CP Vận tải biển Hòa Phát	Vận tải hàng hóa ven biển, đường thủy nội địa và viễn dương.	99,519%	99,519%
11	Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	99,970%	99,969%
12	Công ty TNHH Tôn Hòa Phát	Sản xuất và kinh doanh các loại tôn mạ kẽm, tôn mạ màu và tôn mạ lạnh.	99,995%	99,994%
13	Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	Sản xuất và kinh doanh thương mại sản phẩm điện lạnh.	99,734%	99,734%
14	Công ty TNHH Chế tạo Kim loại Hòa Phát	Sản xuất thiết bị xây dựng; kinh doanh thương mại máy móc và thiết bị xây dựng và khai thác khoáng sản loại nhỏ và vừa.	99,912%	99,910%
15	Công ty CP Sản xuất Container Hòa Phát	Sản xuất và kinh doanh Container.	99,803%	99,794%
16	Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát	Chăn nuôi trâu, bò; hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi và sau thu hoạch.	99,937%	99,916%
17	Công ty CP Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát	Chăn nuôi, cung cấp heo giống, heo thịt.	99,974%	99,974%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

STT	Công ty con	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Tập đoàn
			30/6/2024
18	Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên	Sản xuất, buôn bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.	99,999%
19	Công ty TNHH Gia cầm Hòa Phát	Chăn nuôi gia cầm.	99,999%
20	Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	Xây dựng dân dụng; xây dựng công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà, văn phòng; đầu tư và xây dựng bộ hạ tầng kỹ thuật.	99,936%
21	Công ty CP Phát triển Bất động sản Hòa Phát Sài Gòn	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	99,867%
22	Công ty CP Phát triển Bất động sản Hòa Phát Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	99,930%
23	Công ty TNHH Đầu tư phát triển Thành phố mới	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	99,967%
24	Công ty CP phát triển đô thị Hòa Phát Yên Mỹ	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, kinh doanh bất động sản.	99,836%
25	Công ty CP phát triển hạ tầng khu công nghiệp Đồng Phúc	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	99,067%
26	Công ty CP Điện máy Gia dụng Hòa Phát Hà Nam	Đầu tư, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm điện máy, gia dụng.	99,800%
27	Công ty CP Điện lạnh Hòa Phát Phú Mỹ	Sản xuất tủ đông, tủ mát.	99,800%
28	Công ty TNHH MTV Bình Vàng	Khai thác quặng sắt, khai thác kim loại khác không chứa sắt, sản xuất kim loại màu và kim loại quý, khai thác quặng kim loại quý hiếm.	99,959%
29	Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát Mitraco	Khai thác và sản xuất quặng sắt, bô xít và các kim loại quý hiếm; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	98,379%
30	Công ty CP Năng lượng Hòa Phát	Sản xuất và bán buôn than cốc, khai thác và thu gom than cứng; sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; bán buôn kim loại và quặng kim loại; và buôn bán than luyện cốc và than các loại.	99,887%
31	Công ty CP Hợp kim sắt Hòa Phát Dung Quất	Sản xuất sắt, thép, gang.	99,988%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Tỷ lệ lợi ích và quyền
biểu quyết của Tập đoàn
30/6/2024 1/1/2024**

STT	Công ty con	Hoạt động chính	30/6/2024	1/1/2024
32	Công ty CP Ống thép Hòa Phát Dung Quất	Sản xuất sắt, thép, gang.	99,985%	99,985%
33	Công ty CP Tôn Hòa Phát Dung Quất	Sản xuất sắt, thép, gang.	99,988%	99,988%
34	Công ty CP Cảng Tổng hợp Hòa Phát	Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.	99,998%	99,998%
35	Công ty TNHH Harmonia	Dịch vụ khách sạn.	99,998%	99,998%
36	Công ty TNHH MTV Hòa Phát Bình Định	Sản xuất sắt, thép, gang; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	99,999%	99,999%
37	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nhơn Trạch	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; bóc xếp hàng hóa.	99,969%	99,969%
38	Công ty TNHH Thép Cán nguội Hòa Phát	Sản xuất sản phẩm thép cán nguội.	99,970%	99,969%
39	Công ty TNHH MTV Ống thép Hòa Phát Bình Dương	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	99,970%	99,969%
40	Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát Đà Nẵng	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	99,948%	99,946%
41	Công ty TNHH MTV Ống thép Hòa Phát Long An	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	99,970%	99,969%
42	Công ty CP Sản phẩm thép Hòa Phát Long An	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	99,960%	99,959%
43	Công ty TNHH Thép dây Hòa Phát	Sản xuất, kinh doanh các loại máy xây dựng và khai thác mỏ; sản xuất động cơ, tua bin.	99,912%	99,910%
44	Công ty TNHH Chế tạo Cơ khí Hòa Phát	Sửa chữa và sản xuất các sản phẩm cơ khí; dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện.	99,924%	99,923%
45	Công ty TNHH MTV Thép dự ứng lực Hòa Phát	Sản xuất sắt, thép, gang.	99,912%	99,910%
46	Công ty TNHH Phụ kiện Cơ khí Hòa Phát	Sản xuất phụ kiện cơ khí.	99,803%	99,910%
47	Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng KCN Hòa Phát Hưng Yên	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà xưởng, văn phòng, đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh nước sạch, thu gom rác thải, khai thác, xử lý và cung cấp nước và nhà hàng.	99,936%	99,936%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Tập đoàn
30/6/2024 1/1/2024

STT	Công ty con	Hoạt động chính	30/6/2024	1/1/2024
48	Công ty TNHH Quản lý Khai thác Khu công nghiệp Hòa Mạc	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà xưởng, văn phòng, đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh nước sạch, thu gom rác thải, khai thác, xử lý và cung cấp nước.	99,936%	99,936%
49	Công ty CP Golden Gain Việt Nam	Kinh doanh bất động sản.	99,926%	99,926%
50	Công ty CP Xây dựng Long Việt	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.	99,736%	99,736%
51	Công ty CP Phát triển Đô thị mới Phú Thọ	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng đi thuê.	64,939%	64,939%
52	Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Đồng Nai	Sản xuất và chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.	99,999%	99,999%
53	Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Phú Thọ	Sản xuất thức ăn chăn nuôi.	99,999%	99,999%
54	Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt.	72,674%	72,659%
55	Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Hùng	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt.	99,936%	99,916%
56	Công ty TNHH Chăn nuôi Đồng Phát	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt.	99,936%	99,916%
57	Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Đồng Nai	Chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	99,936%	99,916%
58	Công ty TNHH Chăn nuôi Thái Thụy	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	99,974%	99,974%
59	Công ty TNHH Chăn nuôi Lạc Thủy	Chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	99,974%	99,974%
60	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Yên	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi khác.	99,999%	99,974%
61	Công ty TNHH Chăn nuôi Sơn Động	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	99,974%	99,974%
62	Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phước	Chăn nuôi heo giống và heo thịt.	99,972%	99,972%
63	Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ	Chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	99,999%	99,999%
64	Công ty Cổ phần Thương mại và sản xuất Châu Đức	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	99,865%	99,817%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

STT	Công ty con	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Tập đoàn	30/6/2024	1/1/2024
65	Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội	Hoạt động thể thao, giải trí, tennis, cầu lông, bida, bơi, thể dục thể hình, games, bất động sản.	95,197%	95,197%	95,197%
66	Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Thương mại Hà Nội	Vận tải hàng hóa bằng ô tô, vận tải khách liên tỉnh bằng ô tô, sửa chữa máy móc, thiết bị, dịch vụ lữ hành nội địa, đại lý kinh doanh xăng dầu, dịch vụ đại lý vận tải và dịch vụ trông giữ xe ô tô, văn phòng, kho bãi và bất động sản.	99,826%	99,826%	99,826%
67	Công ty CP Phát triển đô thị Mỹ Hòa	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	99,836%	99,836%	99,826%
68	Công ty TNHH Kinh doanh Dịch vụ Bảo vệ Hà Nội	Dịch vụ bảo vệ.	95,197%	95,197%	95,197%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Ngày 11 tháng 3 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua nghị quyết tăng vốn góp thêm 5.800.000.000.000 VND vào Công ty CP Gang thép Hòa Phát. Trong kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty đã góp 4.437.000.000.000 VND trên tổng vốn bổ sung đã cam kết. Số vốn còn lại sẽ được góp theo kế hoạch được duyệt.
- (ii) Ngày 20 tháng 6 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua nghị quyết tăng vốn góp 2.380.000.000.000 VND vào Công ty CP Sản phẩm thép Hòa Phát. Trong kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty đã góp 2.000.000.000.000 VND trên tổng vốn bổ sung đã cam kết. Số vốn còn lại sẽ được góp theo kế hoạch được duyệt.
- (iii) Ngày 26 tháng 4 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua nghị quyết giảm vốn góp 300.000.000.000 VND vào Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát. Trong kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty đã thu hồi đủ khoản giảm vốn đầu tư này.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, các công ty con của Tập đoàn đều được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Tập đoàn có 31.643 nhân viên (1/1/2024: 28.951 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

2.1 Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

2.2 Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

3.1 Cơ sở hợp nhất

(a) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(b) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(c) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dùng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(d) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

(e) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết
thức ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

phát hành để đòi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn của Tập đoàn liên quan đến việc hợp nhất kinh doanh, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định viên về giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Nếu việc kế toán ban đầu đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh chưa hoàn thành trước thời điểm cuối kỳ kế toán mà giao dịch hợp nhất kinh doanh diễn ra do giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được hoặc nợ tiềm tàng của bên bị mua hoặc giá phí hợp nhất kinh doanh chỉ được xác định tạm thời, Tập đoàn sẽ kế toán giao dịch hợp nhất kinh doanh theo các giá trị tạm thời đó. Trong vòng 12 tháng kể từ ngày mua (giai đoạn sử dụng giá trị tạm thời), Tập đoàn sẽ điều chỉnh hồi tố các giá trị tạm thời đã ghi nhận tại ngày mua.

Bất kỳ khoản lợi thế thương mại nào phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (xem Thuyết minh 3.12). Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

(f) Mua tài sản

Tại thời điểm mua, Tập đoàn sẽ xác định liệu việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Việc mua công ty con không được coi là giao dịch hợp nhất kinh doanh nếu công ty con không có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả có thể xác định riêng rẽ trong nhóm tài sản đó dựa trên giá trị hợp lý tương ứng tại ngày mua, và không có lợi thế thương mại được ghi nhận.

3.2 Ngoại tệ

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

3.4 Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

3.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

3.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Hàng tồn kho được sản xuất và để bán

Đối với thành phẩm và sản phẩm sản xuất dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Bất động sản xây dựng để bán trong tương lai

Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm chi phí đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng, các chi phí trực tiếp khác và các chi phí sản xuất chung được phân bổ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3.7 Tài sản cố định hữu hình

(a) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng, ngoại trừ chi phí đại tu và sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 3.11(b)), được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	1 – 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	1 – 30 năm
▪ dụng cụ văn phòng	2 – 12 năm
▪ vật nuôi	3 – 5 năm
▪ tài sản cố định khác	2 – 12 năm

3.8 Tài sản cố định vô hình

(a) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Đối với quyền sử dụng đất với thời hạn xác định, khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 10 đến 50 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao.

(b) Phần mềm máy vi tính

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 8 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết
thức ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3.9 Bất động sản đầu tư cho thuê

(a) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất, chi phí xây dựng và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 3 – 49 năm

Quyền sử dụng đất vô thời hạn xác định không được khấu hao.

3.10 Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh (i) các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình và (ii) các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc chăn nuôi lợn giống đang lớn và chưa sẵn sàng tạo ra sản phẩm. Tập đoàn không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng, lắp đặt và trong giai đoạn lợn giống chưa sẵn sàng tạo ra sản phẩm.

3.11 Chi phí trả trước dài hạn

(a) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, là những tư liệu lao động không có đủ các tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng quy định đối với tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(b) Chi phí đại tu, sửa chữa lớn

Chi phí đại tu, sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(c) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Chi phí giải phóng mặt bằng

Chi phí giải phóng mặt bằng phản ánh chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng do Tập đoàn chi trả. Các chi phí này được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất.

3.12 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

3.13 Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

3.14 Dự phòng

Ngoại trừ những khoản dự phòng được trình bày ở các thuyết minh khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

3.15 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần giá phát hành vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết
thức ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

3.17 Doanh thu và thu nhập khác

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của dịch vụ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(c) Doanh thu cho thuê lại đất thuê

Doanh thu cho thuê lại đất thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Thời gian cho thuê lại lớn hơn 90% thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất;
- Bên thuê không có quyền hủy bỏ hợp đồng thuê đất và bên cho thuê không có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nhận trước trong bất cứ trường hợp nào và dưới bất kỳ hình thức nào;
- Số tiền thuê đất nhận trước không nhỏ hơn 90% tổng khoản thanh toán tiền thuê ước tính nhận được theo hợp đồng trong thời hạn thuê đất và bên thuê phải trả toàn bộ khoản thanh toán tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ ngày bắt đầu thuê đất;
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu quyền sử dụng đất được chuyển giao cho bên thuê; và
- Tập đoàn có thể ước tính được một cách đáng tin cậy các chi phí phát sinh liên quan đến hợp đồng thuê đất.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Doanh thu cho thuê

Trừ trường hợp được mô tả trong mục 3.17(c) doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(e) Doanh thu bán căn hộ

Doanh thu bán căn hộ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm hoàn thành bàn giao căn hộ.

(f) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian, dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập từ lãi tiền gửi trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản được bù trừ với chi phí đi vay đủ điều kiện vốn hóa, sau khi bù trừ phần chênh lệch còn lại được ghi giảm giá trị đầu tư.

(g) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

3.18 Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

3.19 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

3.20 Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Trong kỳ, Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng, do vậy yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung.

Các bên liên quan có thể là các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, các nhân viên quản lý chủ chốt của Tập đoàn, các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan của Tập đoàn.

3.22 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Tập đoàn không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Tập đoàn không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tập đoàn

Ngoại trừ thay đổi tại Thuyết minh 1.4, không có thay đổi đáng kể nào khác trong cơ cấu của Tập đoàn trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Báo cáo bộ phận

8.1 Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Sản xuất và kinh doanh thép: luyện gang thép, đúc gang, sắt, thép, buôn bán và xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị luyện, cán thép, sản xuất thép công nghiệp, bao gồm thép tấm, thép cuộn cán nóng, thép cuộn cán nguội, thép ống hàn, phế liệu và phôi thép, sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép, sản xuất máy rút thép sợi;
- Nông nghiệp: chăn nuôi lợn, bò, gia cầm; hoạt động dịch vụ chăn nuôi; chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng nông nghiệp; các ngành phụ trợ liên quan khác; và
- Bất động sản: xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà, văn phòng, đầu tư và xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Sản xuất và kinh doanh thép VND	Nông nghiệp VND	Bất động sản VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024					
Doanh thu thuần ra bên ngoài	66.516.384.616.467	3.058.306.692.064	833.178.110.640	-	70.407.869.419.171
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	7.460.245.158.457	693.036.500	24.612.568.155	(7.485.550.763.112)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	73.976.629.774.924	3.058.999.728.564	857.790.678.795	(7.485.550.763.112)	70.407.869.419.171
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	10.854.864.631.391	446.228.918.022	426.548.068.278	(5.148.452.726.949)	6.579.188.890.742
Thu nhập khác	714.449.540.793	1.451.673.826	462.175.132	(2.811.406.500)	713.551.983.251
Chi phí khác	(293.912.340.890)	(251.859.373)	(4.135.647.092)	-	(298.299.847.355)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(702.262.514.921)	(40.344.394.713)	(92.165.470.493)	-	(834.772.380.127)
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	15.655.313.134	919.025.887	4.657.210.629	7.857.124.856	29.088.674.506
Lợi nhuận thuần sau thuế	10.588.794.629.507	408.003.363.649	335.366.336.454	(5.143.407.008.593)	6.188.757.321.017



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Sản xuất và kinh doanh thép VND	Nông nghiệp VND	Bất động sản VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024					
Tài sản của bộ phận	195.788.180.900.126	4.733.594.736.290	9.013.744.164.119	(2.926.440.069.340)	206.609.079.731.195
Nợ phải trả của bộ phận	96.868.306.238.297	1.486.515.369.369	1.859.779.436.311	(2.282.086.206.813)	97.932.514.837.164
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024					
Chi tiêu vốn	18.649.385.415.780	168.067.084.094	15.828.411.665	3.100.951.761	18.836.381.863.300
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư	3.200.887.453.419	221.639.063.767	30.587.354.505	(25.061.639.992)	3.428.052.231.699
Khấu hao tài sản cố định vô hình	18.756.674.168	248.307.737	3.506.664	-	19.008.488.569
Phân bổ chi phí đất trả trước dài hạn	20.641.960.962	5.666.198.072	-	(678.563.257)	25.629.595.777

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Sản xuất và kinh doanh thép VND	Nông nghiệp VND	Bất động sản VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023					
Doanh thu thuần ra bên ngoài	52.429.026.513.539	3.066.479.674.348	589.628.977.415	-	56.085.135.165.302
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	6.528.166.488.108	961.838.700	41.833.663.847	(6.570.961.990.655)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	58.957.193.001.647	3.067.441.513.048	631.462.641.262	(6.570.961.990.655)	56.085.135.165.302
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	2.527.235.430.733	(45.539.308.976)	284.105.060.695	(558.890.725.032)	2.206.910.457.420
Thu nhập khác	335.234.157.797	1.049.324.943	1.039.377.789	(284.503.851)	337.038.356.678
Chi phí khác	(298.740.107.091)	(921.247.308)	(10.357.717.765)	1.599	(310.019.070.565)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(401.115.449.614)	(15.944.411.772)	(85.738.610.774)	-	(502.798.472.160)
Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	42.875.128.226	(1.239.039.066)	5.451.906.900	52.835.180.431	99.923.176.491
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế	2.205.489.160.051	(62.594.682.179)	194.500.016.845	(506.340.046.853)	1.831.054.447.864

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Sản xuất và kinh doanh thép VND	Nông nghiệp VND	Bất động sản VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024					
Tài sản của bộ phận	178.198.711.315.533	5.103.242.540.807	8.435.613.104.732	(3.954.980.397.271)	187.782.586.563.801
Nợ phải trả của bộ phận	85.164.755.331.584	1.509.904.384.637	1.649.260.980.014	(3.377.753.371.813)	84.946.167.324.422

**Cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023**

Chi tiêu vốn	5.371.638.605.687	230.942.972.924	19.647.629.374	(4.270.915.835)	5.617.958.292.150
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư	3.003.555.734.715	268.661.560.116	31.738.821.095	(17.584.682.269)	3.286.371.433.657
Khấu hao tài sản cố định vô hình	17.592.077.445	206.200.519	-	-	17.798.277.964
Phân bổ chi phí đất trả trước dài hạn	19.383.888.264	3.724.973.388	-	(888.349.760)	22.220.511.892

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8.2 Bộ phận chia theo vùng địa lý

Bộ phận theo vùng địa lý được căn cứ vào vị trí địa lý của khách hàng. Theo đó, Ban giám đốc xác định bộ phận bao gồm Việt Nam và ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Việt Nam VND	Châu Á VND	Châu Âu VND	Châu Mỹ VND	Châu Úc VND	Châu Phi VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận	45.921.728.177.254	15.881.159.896.674	5.590.177.666.243	2.496.049.135.073	457.126.251.444	61.628.292.483	70.407.869.419.171
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Việt Nam VND	Châu Á VND	Châu Âu VND	Châu Mỹ VND	Châu Úc VND	Châu Phi VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận	41.788.707.758.499	7.071.363.140.633	6.073.482.632.412	811.872.361.526	311.551.114.303	28.158.157.929	56.085.135.165.302

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền mặt	9.416.495.204	9.179.687.930
Tiền gửi ngân hàng	5.537.133.050.239	3.761.915.472.954
Tiền đang chuyển	3.774.307.840	500.000.000
Các khoản tương đương tiền	7.481.714.000.000	8.480.406.000.000
	13.032.037.853.283	12.252.001.160.884

9.1 Tiền và các khoản tương đương tiền bằng ngoại tệ

	30/6/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	83.767.741	2.115.396.875.021	46.456.970	1.118.685.779.514
Đồng Euro (“EUR”)	6.747	179.686.103	4.013	105.819.723
Đô la Úc (“AUD”)	7.400	128.760.000	7.400	128.760.000
Nhân dân tệ (“CNY”)	12.867	45.523.446	31.251	109.034.739
Đô la Singapore (“SGD”)	481	8.303.984	3.299	56.953.936
Rupee Ấn Độ (“INR”)	131.820	40.732.380	363.540	109.834.380
		2.115.799.880.934		1.119.196.182.292

10. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2024	1/1/2024
	Giá gốc và giá trị hợp lý VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn (*)	15.314.673.148.945	22.177.303.502.481
Tiền gửi có kỳ hạn – dài hạn (**)	136.500.000.000	40.000.000.000
	15.451.173.148.945	22.217.303.502.481

(*) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại các ngân hàng, hưởng lãi suất từ 2,9% đến 8,2%/năm (1/1/2024: từ 3,35% đến 11,5%/năm). Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn này xấp xỉ giá gốc do tính chất ngắn hạn của chúng.

(**) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc và kỳ hạn còn lại trên 12 tháng tại các ngân hàng, hưởng lãi suất 5%/năm (1/1/2024: 6,7%/năm).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, có 1.009 tỷ VND tiền gửi có kỳ hạn đã được dùng để làm tài sản đảm bảo tại các ngân hàng cho việc sử dụng hạn mức tín dụng của Tập đoàn (1/1/2024: 5.436 tỷ VND).

11. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Marcegaglia Carbon Steel	999.151.803.329	481.058.776.236
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	555.044.494.587	302.756.662.956
Hoa Phát Trading International Pte. Ltd	186.535.166.599	1.055.977.650.728
Các khách hàng khác	5.013.483.988.900	4.159.746.741.577
	6.754.215.453.415	5.999.539.831.497

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, phải thu khách hàng ngắn hạn có giá trị ghi sổ là 4.449 tỷ VND (1/1/2024: 299 tỷ VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

12. Trả trước cho người bán

12.1 Trả trước cho người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Hoa Phát Trading International PTE.,LTD	384.922.646.823	-
Công ty Cổ phần Nhẫn	119.989.842.017	65.220.676.268
WISDRI Engineering & Research Incorporation Limited	148.699.600	488.184.012.168
Primetals Technologies Austria GmbH	-	386.869.900.326
Các nhà cung cấp khác	1.876.103.745.876	2.648.157.413.554
	2.381.164.934.316	3.588.432.002.316

12.2 Trả trước cho người bán phân loại theo kỳ hạn

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	2.112.090.222.977	2.583.940.446.585
Dài hạn	269.074.711.339	1.004.491.555.731
	2.381.164.934.316	3.588.432.002.316

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải thu khác

13.1 Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	293.416.572.080	474.133.638.063
Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng (*)	289.087.540.616	559.693.090.121
Ký cược, ký quỹ	411.801.931.188	249.256.672.588
Thuế nhập khẩu nộp trước	247.985.604.770	118.906.091.796
Phải thu khác	92.324.116.978	559.612.382.730
	1.334.615.765.632	1.961.601.875.298

(*) Đây là khoản tiền hỗ trợ bồi thường cho người dân liên quan tới việc thu hồi đất để thực hiện các dự án Khu đô thị và Khu công nghiệp theo các phương án đã được phê duyệt bởi Ủy ban Nhân dân các huyện có đất được thu hồi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Trong khoản mục này có 5 tỷ VND (1/1/2024: 303 tỷ VND) chi phí giải phóng mặt bằng liên quan đến Dự án Bắc Quốc lộ 5 như trình bày tại Thuyết minh 14.

13.2 Phải thu dài hạn khác

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ	850.381.710.697	781.079.548.004

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Hàng tồn kho

	30/6/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	4.436.754.963.321	-	4.990.397.929.773	-
Nguyên vật liệu	20.380.825.713.728	(189.187.749.391)	15.440.615.820.401	(8.114.279.314)
Công cụ và dụng cụ	1.398.392.508.496	(3.885.841.457)	2.207.960.043.082	(3.897.886.241)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	3.963.320.054.792	(11.998.298.384)	3.356.842.753.839	(12.264.604.904)
Thành phẩm	9.021.956.945.074	(83.491.183.348)	7.845.693.017.557	(97.266.005.297)
Hàng hóa	535.799.975.495	(2.337.401.044)	570.688.881.053	(2.337.662.933)
Hàng gửi đi bán	717.390.933.311	-	216.169.399.245	-
	40.454.441.094.217	(290.900.473.624)	34.628.367.844.950	(123.880.438.689)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có 24.681 tỷ VND hàng tồn kho (1/1/2024: 20.212 tỷ VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 21.696 tỷ VND (1/1/2024: 24.178 tỷ VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

- (i) Trong số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có 1.661 tỷ VND (1/1/2024: 1.326 tỷ VND) chi phí liên quan Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Phân khu A – Khu đô thị Bắc Quốc lộ 5 thuộc Khu đô thị Phố Nối tỉnh Hưng Yên (“Dự án Bắc QL5”) do Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát – công ty con của Tập đoàn thực hiện. Trong đó có 1.002 tỷ VND là chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận và 659 tỷ VND là chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật của Dự án (1/1/2024: lần lượt là 707 tỷ VND và 619 tỷ VND). Ngoài ra, Tập đoàn cũng đang ghi nhận 5 tỷ VND trên tài khoản phải thu ngắn hạn khác chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng mà Tập đoàn đã thực hiện nhưng đang chờ xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan đến Dự án này (Thuyết minh 13.1).

Dự án Bắc QL5 đã được Ủy ban Nhân Dân (“UBND”) tỉnh Hưng Yên giao cho công ty con này tiếp tục làm chủ đầu tư để thực hiện theo cơ chế giao đất có thu tiền sử dụng đất tại Văn bản số 1488/UBND-KT1 ngày 14 tháng 7 năm 2016 (“Văn bản số 1488”).

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, Thanh tra Chính phủ đã ban hành Kết luận thanh tra số 3136/KL-TTTP về công tác quản lý, sử dụng đất theo tinh thần Nghị quyết số 73/NQ-CP và 116/NQ-CP của Chính phủ; công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch xây dựng của UBND tỉnh Hưng Yên (giai đoạn 2011 – 6/2022). Theo đó, Thanh tra Chính phủ kiến nghị UBND tỉnh Hưng Yên thu hồi Văn bản số 1488 về việc tiếp tục giao thực hiện Dự án Bắc QL5 và rà soát hồ sơ pháp lý để đầu thầu lựa chọn lại chủ đầu tư dự án theo quy định của pháp luật. Tại ngày phát hành báo cáo, Tập đoàn chưa nhận được công văn chính thức của UBND tỉnh Hưng Yên về vấn đề nêu trên.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải thu về cho vay ngắn và dài hạn

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Phạm Minh Tân (*)	VND	6%	114.700.000.000	114.700.000.000
Nguyễn Thị Tố Hoài	VND	6%	-	8.400.000.000
Hoàng Quang Việt (**)	VND	4%	37.000.000.000	-
Nguyễn Xuân Tùng (**)	VND	5%	85.761.616.439	80.500.000.000
			237.461.616.439	203.600.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn				
Nguyễn Thị Tố Hoài	VND	6%	-	95.351.026.613
			-	95.351.026.613

(*) Đây là khoản cho vay đối tác cá nhân. Các khoản cho vay này sẽ được hoàn trả khi có yêu cầu, được hưởng lãi suất 6%/năm và có tài sản đảm bảo.

(**) Đây là khoản cho vay đối tác cá nhân. Các khoản cho vay này sẽ được hoàn trả khi có yêu cầu, được hưởng lãi suất 4% - 5% /năm và không có tài sản đảm bảo.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Vật nuôi VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá							
Số dư đầu kỳ	36.463.477.252.627	65.535.185.003.824	4.408.637.822.966	289.868.805.284	153.139.084.324	72.824.534.405	106.923.132.503.430
Tăng trong kỳ	86.000.000	19.731.665.140	29.141.480.239	5.048.667.102	-	-	54.007.812.481
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.246.691.867.940	625.565.139.562	242.123.910.351	4.372.631.082	49.861.583.309	-	2.168.615.132.244
Thanh lý và xóa sổ	(3.602.079.682)	(26.258.365.565)	(1.097.219.771.432)	(5.337.404.120)	(490.632.315)	-	(1.132.908.253.114)
Phân loại lại	(1.314.102.880)	1.929.712.870	-	(695.909.990)	-	80.300.000	-
Biến động khác	8.758.362.017	-	(700.000.000)	-	-	-	8.058.362.017
Số dư cuối kỳ	37.714.097.300.022	66.156.153.155.831	3.581.983.442.124	293.256.789.358	202.510.035.318	72.904.834.405	108.020.905.557.058
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu kỳ	8.049.796.849.663	25.068.498.503.867	1.763.758.893.830	193.147.915.428	45.081.177.574	15.597.576.767	35.135.880.917.129
Khấu hao trong kỳ	890.414.700.184	2.276.189.078.533	194.141.114.034	21.915.080.255	17.668.708.407	10.127.730.466	3.410.456.411.879
Thanh lý và xóa sổ	(3.022.639.988)	(23.834.366.841)	(319.674.759.769)	(5.333.681.474)	(490.632.315)	-	(352.356.080.387)
Phân loại lại	-	395.161.818	-	(395.161.818)	-	-	-
Biến động khác	1.751.672.400	-	-	-	-	-	1.751.672.400
Số dư cuối kỳ	8.938.940.582.259	27.321.248.377.377	1.638.225.248.095	209.334.152.391	62.259.253.666	25.725.307.233	38.195.732.921.021
Giá trị còn lại							
Số dư đầu kỳ	28.413.680.402.964	40.466.686.499.957	2.644.878.929.136	96.720.889.856	108.057.906.750	57.226.957.638	71.787.251.586.301
Số dư cuối kỳ	28.775.156.717.763	38.834.904.778.454	1.943.758.194.029	83.922.636.967	140.250.781.652	47.179.527.172	69.825.172.636.037

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các tài sản với nguyên giá 11.255 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2024: 10.870 tỷ VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 52.808 tỷ VND (1/1/2024: 47.509 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

17. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	178.394.670.071	172.440.151.251	6.196.510.427	357.031.331.749
Tăng trong kỳ	-	425.181.864	-	425.181.864
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	1.410.000.000	-	1.410.000.000
Thanh lý, xóa sổ	-	(1.582.881.766)	-	(1.582.881.766)
Số dư cuối kỳ	178.394.670.071	172.692.451.349	6.196.510.427	357.283.631.847
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	30.404.396.713	111.253.018.779	4.254.764.687	145.912.180.179
Khấu hao trong kỳ	1.321.287.960	17.602.160.647	85.039.962	19.008.488.569
Thanh lý, xóa sổ	-	(1.096.434.205)	-	(1.096.434.205)
Số dư cuối kỳ	31.725.684.673	127.758.745.221	4.339.804.649	163.824.234.543
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	147.990.273.358	61.187.132.472	1.941.745.740	211.119.151.570
Số dư cuối kỳ	146.668.985.398	44.933.706.128	1.856.705.778	193.459.397.304

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các tài sản với nguyên giá 50 tỷ VND đã được khấu hao hết (1/1/2024: 40 tỷ VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 0,8 tỷ VND (1/1/2024: 46 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	803.964.314.650	55.702.700.965	859.667.015.615
Tăng trong kỳ	126.000.000	-	126.000.000
Số dư cuối kỳ	804.090.314.650	55.702.700.965	859.793.015.615
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	265.746.738.295	-	265.746.738.295
Khấu hao trong kỳ	17.595.819.820	-	17.595.819.820
Số dư cuối kỳ	283.342.558.115	-	283.342.558.115
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	538.217.576.355	55.702.700.965	593.920.277.320
Số dư cuối kỳ	520.747.756.535	55.702.700.965	576.450.457.500

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn và các công ty con bao gồm:

- Quyền sử dụng đất và nhà xưởng cho thuê tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam; Khu Công nghiệp Hòa Mạc, Thị trấn Hòa Mạc, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam.
- Quyền sử dụng đất và diện tích cho thuê thương mại bao gồm tầng hầm thuộc Dự án Khu phức hợp Mandarin Garden 1 tại Khu đô thị Đông Nam Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội; Dự án Khu phức hợp Mandarin Garden 2 tại 493 Trương Định, Quận Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam và khu Chung cư tại 70 Nguyễn Đức Cảnh, Quận Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam và văn phòng cho thuê tại 257 Giải Phóng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Trong bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các tài sản với nguyên giá 39,8 tỷ VND đã được khấu hao hết (1/1/2024: không có), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, bất động sản đầu tư của Tập đoàn có giá trị 10,9 tỷ VND (1/1/2024: 13,7 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của một công ty con.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định nên Tập đoàn không thực hiện trích khấu hao.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý cho các loại bất động sản đầu tư này một cách đáng tin cậy.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Số dư đầu kỳ	26.052.572.725.032	13.334.320.924.143
Tăng trong kỳ	21.490.620.660.821	4.436.917.112.315
Lãi vay vốn hóa trong kỳ	489.465.889.346	186.161.242.888
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.168.615.132.244)	(1.211.720.486.392)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.410.000.000)	(4.712.748.924)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(483.007.031.961)	(147.610.932.412)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(25.841.602.796)	(11.759.468.965)
Biến động khác	(235.474.758)	1.318.131.244
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	45.353.550.033.440	16.582.913.773.897

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Dự án Khu liên hợp Gang thép tại Dung Quất	42.440.143.519.116	22.555.771.028.202
Dự án Khu liên hợp Gang thép tại Hải Dương	141.156.398.509	638.527.802.827
Dự án nhà máy Container	2.150.743.958.328	1.832.925.937.948
Dự án Nông nghiệp	371.457.746.764	379.908.199.187
Dự án Điện máy Gia dụng	11.300.450.692	30.531.954.035
Dự án nhà máy Thép rút dây	770.375.089	250.467.994.407
Đóng tàu Vận tải biển	-	180.019.889.844
Các dự án khác	237.977.584.942	184.419.918.582
	<hr/>	<hr/>
	45.353.550.033.440	26.052.572.725.032

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, xây dựng cơ bản dở dang có giá trị là 38.916 tỷ VND (1/1/2024: 23.162 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí trả trước

20.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Công cụ và dụng cụ	75.539.214.350	48.252.755.440
Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản	165.268.594.878	147.353.760.046
Chi phí khác	200.299.621.237	135.228.462.711
	441.107.430.465	330.834.978.197

20.2 Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí đại tu, sửa chữa lớn VND	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí giải phóng mặt bằng VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	176.343.765.328	625.681.692.632	2.978.042.179.269	295.692.249.067	139.248.086.383	4.215.007.972.679
Tăng trong kỳ	45.302.307.805	23.884.436.351	111.328.893.984	-	122.282.047.564	302.797.685.704
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.106.853.330	419.277.904.015	23.170.275.000	14.073.534.331	24.378.465.285	483.007.031.961
Phân bổ trong kỳ	(75.264.629.993)	(202.609.323.916)	(25.629.595.777)	(5.924.606.854)	(37.068.130.378)	(346.496.286.918)
Xóa sổ	-	(38.967.710.133)	-	-	-	(38.967.710.133)
Phân loại lại	(5.112.405.021)	10.807.434.649	(1.102.786.357)	9.827.996.319	(14.420.239.590)	-
Biến động khác	-	-	(2.822.588.310)	-	-	(2.822.588.310)
Số dư cuối kỳ	143.375.891.449	838.074.433.598	3.082.986.377.809	313.669.172.863	234.420.229.264	4.612.526.104.983

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, chi phí trả trước dài hạn có giá trị còn lại là 127 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (1/1/2024: 174 tỷ VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Chi phí phải trả	30.829.314.642	26.560.406.739
Lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh từ giao dịch giữa các công ty trong Tập đoàn	155.823.481.683	131.355.671.887
Khác	5.171.797.721	5.171.797.721
	191.824.594.046	163.087.876.347

22. Lợi thế thương mại

	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nhơn Trạch VND	Công ty CP Xây dựng Long Việt VND	Công ty TNHH Đầu tư phát triển Thành phố mới VND	Tổng cộng VND
Giá gốc				
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	195.950.665	59.880.000.000	61.119.413.012	121.195.363.677
Phân bổ lũy kế				
Số dư đầu kỳ	-	34.930.000.000	10.356.344.985	45.286.344.985
Phân bổ trong kỳ	-	2.994.000.000	3.055.970.652	6.049.970.652
Số dư cuối kỳ	-	37.924.000.000	13.412.315.637	51.336.315.637
Giá trị ghi sổ				
Số dư đầu kỳ	195.950.665	24.950.000.000	50.763.068.027	75.909.018.692
Số dư cuối kỳ	195.950.665	21.956.000.000	47.707.097.375	69.859.048.040

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Phải trả người bán

23.1 Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Primetals Technologies Japan, Ltd.	1.523.229.836.317	155.612.686.850
WISDRI Engineering & Research Incorporation Limited	1.098.291.071.689	64.195.265.780
Hòa Phát Trading International PTE.LTD	388.448.175.302	576.730.037.520
South32 Marketing Pte. Ltd.	-	820.368.562.623
Các nhà cung cấp khác	16.727.048.034.451	13.094.875.170.842
	19.737.017.117.759	14.711.781.723.615

23.2 Phải trả người bán phân loại theo kỳ hạn

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	15.940.014.623.208	12.387.496.434.147
Dài hạn	3.797.002.494.551	2.324.285.289.468
	19.737.017.117.759	14.711.781.723.615

24. Người mua trả tiền trước

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Honors Commodity Hong Kong Co., Ltd	49.884.120.000	-
Công ty TNHH Marubeni-Itochu Steel Việt Nam	28.826.999.960	73.433.199.106
Papalotes Felizardo Elizondo Guajardo, S A de CV	-	149.607.654.210
Các khách hàng khác	403.565.711.073	518.693.037.264
	482.276.831.033	741.733.890.580

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước

	1/1/2024		Số phải nộp/bù trừ với thuế được khấu trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2024	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND			Số phải thu VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	425.650.100	44.619.280.818	267.729.020.722	(280.995.821.182)	4.193.417.201	35.120.247.459
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	478.701.807	28.178.566.721	4.906.824.771.611	(4.928.963.163.755)	478.701.807	6.040.174.577
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	2.512.379.620	149.623.717.349	(140.660.427.460)	-	11.475.669.509
Thuế xuất nhập khẩu	422.691.999	-	786.208.505.178	(784.515.104.417)	8.288.807	1.278.997.569
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.302.813.103	837.270.119.770	834.772.380.127	(872.710.726.033)	7.091.589.465	800.120.550.226
Thuế nhà thầu	26.084.559	28.345.072.523	191.769.987.983	(193.096.156.851)	24.861.985	27.017.681.081
Thuế thu nhập cá nhân	3.526.753.648	3.889.965.096	72.344.734.744	(69.103.689.765)	1.026.402.689	4.630.659.116
Thuế tài nguyên	-	445.490.143	87.678.460.966	(84.189.266.464)	-	3.934.684.645
Tiền thuế đất	516.098.940	-	23.614.736.176	(20.243.426.249)	573.634.175	3.428.845.162
Các loại thuế khác	5.694.368	143.582.942	28.050.926.192	(25.861.044.386)	9.068.480	2.336.838.860
	11.704.488.524	945.404.457.633	7.348.617.241.048	(7.400.338.826.562)	13.405.964.609	895.384.348.204

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Chi phí phải trả

26.1 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	227.388.582.301	196.446.870.699
Tiền điện	88.508.883.560	66.800.298.456
Chi phí khuyến mại	228.900.221.268	125.451.830.043
Phí vận chuyển	36.032.477.615	12.047.385.133
Tiền thuê đất	30.489.499.175	21.279.571.439
Lương và thưởng	197.788.026.766	1.095.367.730
Chi phí phải trả khác	226.864.027.000	53.980.892.571
	1.035.971.717.685	477.102.216.071

26.2 Chi phí phải trả dài hạn

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn đất khu công nghiệp	750.964.708.007	562.552.512.045
Chi phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng	51.000.000.000	48.000.000.000
	801.964.708.007	610.552.512.045

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Phải trả khác

27.1 Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	6.330.367.158	62.380.901.006
Nhận đặt cọc thực hiện hợp đồng	180.191.732.058	47.235.989.605
Tài sản thừa chờ xử lý	738.974.389	236.529.410
Cổ tức phải trả	2.714.668.656	1.775.796.387
Các khoản phải trả khác	142.746.911.364	71.341.374.116
	332.722.653.625	182.970.590.524
	332.722.653.625	182.970.590.524

27.2 Phải trả dài hạn khác

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Cổ tức phải trả	1.900.354.286	1.900.354.286
Các khoản phải trả khác	12.492.011.580	11.461.166.497
	14.392.365.866	13.361.520.783
	14.392.365.866	13.361.520.783

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Vay	28.1 Vay ngắn hạn	Biến động trong kỳ		Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	30/6/2024
		Tăng VND	Giảm VND			
		Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND				
	Vay ngắn hạn	47.305.924.871.207	(73.738.118.396.387)	1.580.772.983	48.506.520.272.921	
	Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 28.2)	7.675.958.309.429	(4.717.779.222.402)	-	4.808.793.377.138	
		54.981.883.180.636	(78.455.897.618.789)	1.580.772.983	53.315.313.650.059	

Số dư vay ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm các khoản vay bằng VND và các khoản vay bằng USD với giá trị tương ứng là 47.084 tỷ VND và 1.423 tỷ VND (1/1/2024: 37.781 tỷ VND và 9.525 tỷ VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, các khoản vay ngắn hạn bằng VND và USD với giá trị ghi sổ tương ứng là 41.604 tỷ VND và 1.309 tỷ VND (1/1/2024: 33.968 tỷ VND và 4.641 tỷ VND) được bảo đảm bằng một số khoản tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 10), phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh 11), hàng tồn kho (Thuyết minh 14), tài sản cố định hữu hình và vô hình (Thuyết minh 16 và 17), bất động sản đầu tư (Thuyết minh 18), xây dựng cơ bản dở dang và các tài sản hình thành trong tương lai của một số dự án thuộc Tập đoàn (Thuyết minh 19), chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 20.2).

Các khoản vay ngắn hạn còn lại không được bảo đảm.

Các khoản vay bằng VND chịu lãi suất từ 2,2% đến 4,3%/năm (1/1/2024: từ 2,1% đến 5%/năm). Các khoản vay bằng USD chịu lãi suất từ 3% đến 4,9%/năm (1/1/2024: từ 2,85% đến 6,87%/năm).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28.2 Vay dài hạn

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Vay dài hạn	24.483.748.691.720	18.075.077.601.910
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 28.1)	(4.808.793.377.138)	(7.675.958.309.429)
	19.674.955.314.582	10.399.119.292.481

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn còn số dư như sau:

	Loại	Năm	30/6/2024	1/1/2024
	tiền	đáo hạn	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	VND	2025	726.401.952.435	2.424.401.952.435
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công	VND	2025-2030	18.902.311.500.973	8.859.451.859.918
Ngân hàng TNHH Woori Việt Nam - chi nhánh Bắc Ninh	VND	2025 - 2026	268.704.545.446	413.583.333.333
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	VND	2026 - 2027	3.165.326.607.227	3.890.128.541.743
Quỹ bảo vệ môi trường	VND	2025	12.294.026.104	6.106.000.000
Ngân hàng TNHH Woori Việt Nam - chi nhánh Bắc Ninh	USD	2024	-	846.918.500.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	VND	2025	580.620.394.853	694.183.749.799
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	VND	2026	503.089.664.682	615.303.664.682
Nguyễn Thị Tố Hoài	VND	2025	325.000.000.000	325.000.000.000
			24.483.748.691.720	18.075.077.601.910

Các khoản vay dài hạn được đảm bảo bằng một số tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 10), hàng tồn kho (Thuyết minh 14), tài sản cố định hữu hình và vô hình (Thuyết minh 16 và 17) và xây dựng cơ bản dở dang và các tài sản hình thành trong tương lai của một số dự án thuộc Tập đoàn của một số dự án thuộc Tập đoàn (Thuyết minh 19).

Các khoản vay dài hạn bằng VND chịu lãi suất từ 2,48% đến 7,5%/năm (1/1/2024: từ 2,6% đến 12%/năm).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Dự phòng

	Chi phí bảo hành VND	Dự phòng khôi phục môi trường VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	32.964.116.609	30.258.628.785	63.222.745.394
Dự phòng lập trong kỳ	5.091.101.597	561.518.521	5.652.620.118
Số dư cuối kỳ	38.055.218.206	30.820.147.306	68.875.365.512
<i>Trong đó:</i>			
Ngắn hạn	5.751.868.939	-	5.751.868.939
Dài hạn	32.303.349.267	30.820.147.306	63.123.496.573

30. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông, Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi và thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Số dư đầu kỳ	1.375.476.964.884	1.812.955.327.314
Trích lập trong kỳ	386.550.000.000	62.200.000.000
Sử dụng trong kỳ	(510.124.386.539)	(286.941.175.990)
Số dư cuối kỳ	1.251.902.578.345	1.588.214.151.324

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

31. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	58.147.857.000.000	3.211.560.416.270	(20.652.355.005)	834.782.434.216	33.833.829.973.987	105.562.146.315	96.112.939.615.783
Góp vốn của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	500.000.000	500.000.000
Giải thể Công ty con	-	-	-	-	-	(1.750.000.000)	(1.750.000.000)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong kỳ	-	-	-	-	1.857.539.888.300	(26.485.440.436)	1.831.054.447.864
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(62.193.764.405)	(6.235.595)	(62.200.000.000)
Công ty con trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(799.893.957)	(799.893.957)
Sử dụng quỹ trong kỳ	-	-	-	(11.228.055.366)	-	-	(11.228.055.366)
Ảnh hưởng của việc chuyển đổi đồng tiền báo cáo	-	-	(7.814.676.858)	-	-	-	(7.814.676.858)
Biến động khác	-	-	-	-	(410.376.344)	-	(410.376.344)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	58.147.857.000.000	3.211.560.416.270	(28.467.031.863)	823.554.378.850	35.628.765.721.538	77.020.576.327	97.860.291.061.122
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	58.147.857.000.000	3.211.560.416.270	-	818.200.313.964	40.593.031.662.654	65.769.846.491	102.836.419.239.379
Góp vốn của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	40.000.000.000	40.000.000.000
Trả lại vốn góp cho cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	(102.420.000)	(102.420.000)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong kỳ	-	-	-	-	6.189.851.834.853	(1.094.513.836)	6.188.757.321.017
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 33)	5.814.645.000.000	(3.211.560.416.270)	-	-	(2.603.084.583.730)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(386.520.064.408)	(29.935.592)	(386.550.000.000)
Công ty con trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(1.959.246.365)	(1.959.246.365)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	63.962.502.000.000	-	-	818.200.313.964	43.793.278.849.369	102.583.730.698	108.676.564.894.031

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. **Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2024		1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	6.396.250.200	63.962.502.000.000	5.814.785.700	58.147.857.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	6.396.250.200	63.962.502.000.000	5.814.785.700	58.147.857.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	6.396.250.200	63.962.502.000.000	5.814.785.700	58.147.857.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động của vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày			
	30/6/2024		1/1/2024	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu kỳ	5.814.785.700	58.147.857.000.000	5.814.785.700	58.147.857.000.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	581.464.500	5.814.645.000.000	-	-
Số dư cuối kỳ	6.396.250.200	63.962.502.000.000	5.814.785.700	58.147.857.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Cổ tức

Ngày 11 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2023 cho các cổ đông theo tỷ lệ 10% bằng cổ phiếu (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu thường được nhận 1 cổ phiếu phát hành thêm từ nguồn thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để trả cổ tức). Phương án chi trả cổ tức này đã được Hội đồng Quản trị Công ty ra nghị quyết thực hiện vào ngày 23 tháng 4 năm 2024. Ngày 3 tháng 6 năm 2024, Công ty đã chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức bằng việc phát hành cổ phiếu.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã chấp thuận cho Công ty được thay đổi niêm yết liên quan đến việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức này. Theo đó, số lượng chứng khoán niêm yết thêm là 581.464.500 cổ phiếu.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 36, trong đó vốn điều lệ của Công ty tăng từ 58.147.857.000.000 VND lên 63.962.502.000.000 VND do kết quả của việc phát hành cổ tức để trả cổ phiếu.

34. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

34.1 Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	11.523.594.999.998	20.927.599.369.074
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	58.626.085.940.867	52.993.871.312.411
	70.149.680.940.865	73.921.470.681.485

34.2 Cam kết hợp đồng thuê

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng một năm	303.589.960.809	298.239.150.429
Trong vòng hai đến năm năm	653.672.013.798	795.760.288.328
Sau năm năm	1.087.182.356.259	1.105.293.728.625
	2.044.444.330.866	2.199.293.167.382

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	69.897.458.440.133	55.881.125.190.849
▪ Cung cấp dịch vụ	342.469.036.148	230.709.402.117
▪ Cho thuê lại đất thuê	711.808.299.231	467.078.373.673
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	74.916.406.142	85.735.627.991
▪ Khác	2.185.607.359	298.645.802
	71.028.837.789.013	56.664.947.240.432
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(597.385.254.845)	(548.010.495.919)
▪ Giảm giá hàng bán	(98.061.465)	(247.481.211)
▪ Hàng bán bị trả lại	(23.485.053.532)	(31.554.098.000)
	(620.968.369.842)	(579.812.075.130)
Doanh thu thuần	70.407.869.419.171	56.085.135.165.302

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Thành phẩm và hàng hóa đã bán	60.154.794.112.534	51.680.482.206.008
Dịch vụ đã cung ứng	306.986.058.924	163.952.873.475
Giá vốn của đất thuê	336.583.854.997	305.140.150.686
Giá vốn bất động sản đầu tư cho thuê	38.464.317.745	40.534.293.721
Giá vốn khác	2.557.589.794	377.543.525
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	167.020.034.935	(976.775.967.292)
	61.006.405.968.929	51.213.711.100.123

37. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	694.517.345.989	1.101.796.909.828
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	695.423.082.196	532.734.972.762
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	932.823.639	953.107.568
Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.142.218.901	909.004.652
	1.397.015.470.725	1.636.393.994.810

38. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.199.753.348.133	2.018.155.811.047
Chiết khấu thanh toán	1.307.438.972	7.969.910
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	756.042.715.916	438.570.590.322
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	153.436.400.728	117.435.948.259
Chi phí tài chính khác	15.165.294.070	97.825.236.309
	2.125.705.197.819	2.671.995.555.847

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Chi phí nhân viên	96.981.353.586	73.929.403.774
Chi phí khấu hao	27.789.936.942	25.635.926.305
Chi phí bảo hành	20.569.071.526	17.457.459.504
Chi phí vận chuyển	297.727.945.963	244.269.168.041
Chi phí quảng cáo	73.704.726.655	39.471.928.364
Chi phí khuyến mại	223.565.400.521	113.926.646.049
Chi phí xuất khẩu	411.277.529.283	297.077.073.752
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bán hàng khác	235.272.473.577	205.028.923.571
	1.386.888.438.053	1.016.796.529.360

40. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Phân bổ lợi thế thương mại	6.049.970.652	6.049.970.652
Chi phí nhân viên	207.305.885.924	179.703.511.422
Chi phí khấu hao	60.447.833.378	53.350.623.393
Phí kiểm toán báo cáo tài chính	518.000.000	508.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí quản lý khác	432.374.704.399	372.503.411.895
	706.696.394.353	612.115.517.362

41. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	365.291.404.164	9.478.604.521
Thu nhập từ bán điện, nước và cung cấp dịch vụ	274.546.561.954	189.497.995.388
Tiền bồi thường nhận được từ các đơn vị khác	59.336.723.933	23.452.887.646
Thu nhập khác	14.377.293.200	114.608.869.123
	713.551.983.251	337.038.356.678

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

42. Chi phí khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	3.857.472.029	1.144.097.391
Giá vốn của điện, nước và các dịch vụ cung cấp	258.648.723.054	176.166.687.171
Chi phí khác	35.793.652.272	132.708.286.003
	298.299.847.355	310.019.070.565

43. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	51.260.064.213.625	39.132.434.830.070
Chi phí nhân viên	2.433.300.845.106	1.892.512.839.476
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.451.457.238.681	3.310.540.740.587
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.746.769.321.082	3.925.666.591.444
Chi phí khác	2.509.455.108.928	1.703.817.533.069

44. Thuế thu nhập doanh nghiệp

44.1 Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành		
Kỳ hiện hành	824.541.148.019	485.739.200.637
Dự phòng thiếu các kỳ trước	10.231.232.108	17.059.271.523
	834.772.380.127	502.798.472.160
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(29.088.674.506)	(99.923.176.491)
	805.683.705.621	402.875.295.669

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

44.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.994.441.026.638	2.233.929.743.533
<i>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán</i>		
Chi phí không được khấu trừ	64.269.842.362	55.639.860.467
Phân bổ lợi thế thương mại	6.049.970.652	6.049.970.652
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng	126.726.573.678	(986.951.115.295)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(400.585.262)	2.966.974.059
Giá vốn trích trước của bất động sản đã bán	3.000.000.000	-
Hoàn nhập và phát sinh các chênh lệch tạm thời khác	77.616.839.524	509.189.628.372
Thu nhập được miễn thuế	(3.729.630.454)	(29.997.855.601)
	7.267.974.037.138	1.790.827.206.187
Lỗ năm trước chuyển sang	(176.715.399.285)	(23.892.355.838)
Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	7.091.258.637.853	1.766.934.850.349
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính theo thuế suất của Công ty	1.418.251.727.571	353.386.970.069
Ưu đãi thuế của các công ty con	(571.161.338.475)	(82.825.245.564)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(40.672.844.844)	(56.010.821)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận trên lỗ tính thuế của các công ty con	18.123.603.767	215.292.554.679
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	(29.088.674.506)	(99.923.176.491)
Thuế TNDN trích thiếu kỳ trước	10.231.232.108	17.059.271.523
Biến động khác	-	(59.067.726)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	805.683.705.621	402.875.295.669

44.3 Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Các công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất và hưởng các ưu đãi thuế theo quy định trong các giấy Chứng nhận Đầu tư và các quy định thuế hiện hành

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

45. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được dựa trên số lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông phổ thông sau điều chỉnh trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

45.1 Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 (Số cổ phiếu)	30/6/2023 (Số cổ phiếu)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	5.814.785.700	5.814.785.700
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (Thuyết minh 33)	581.464.500	581.464.500
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ	6.396.250.200	6.396.250.200

45.2 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023 Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông của Công ty	6.189.851.834.853	1.857.539.888.300
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính	(309.000.000.000)	(204.000.000.000)
	5.880.851.834.853	1.653.539.888.300
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ (số cổ phiếu)	6.396.250.200	6.396.250.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	919	259

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

45.3 Điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc phân bổ lợi nhuận sau thuế vào quỹ khen thưởng, phúc lợi như sau:

	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số báo cáo trước đây	5.814.785.700	303
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	581.464.500	(27)
Ảnh hưởng của việc phân bổ lợi nhuận sau thuế vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(17)
Số điều chỉnh lại	6.396.250.200	259

46. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Thành viên của Hội đồng Quản trị		
Thù lao	106.252.000.000	27.720.000.000
Thành viên của Ban Giám đốc		
Lương và thưởng	2.763.894.000	2.000.800.000
Thành viên của Ban Kiểm soát		
Thù lao, lương và thưởng	1.967.834.151	1.368.621.299
Cán bộ quản lý chủ chốt khác		
Trong đó lương và thưởng	997.214.424	1.373.588.360

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

47. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập:



Trần Xuân Mai
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Thắng
Tổng Giám đốc